

Trên đây là thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán 9 tháng năm 2022 của UBND xã Hóa Thượng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Huy

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022**

*Căn cứ Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện
Đông Hỷ về việc giao dự toán thu - chi ngân sách huyện Đông Hỷ năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số: 02/ QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND xã Hóa
Thượng về việc giao dự toán thu – chi ngân sách xã Hóa Thượng năm 2022;*

UBND xã Hóa Thượng báo cáo ước thực hiện nhiệm vụ 9 tháng năm
2022, như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2022:

1. Thu ngân sách:

Thu ngân sách nhà nước trong cân đối 9 tháng năm 2022 đạt $4.213.592.400đ/5.510.000.000đ = 76%$ dự toán; Thu ngân sách NN đạt $5.978.395.000đ/4.960.000.000đ = 121%$ dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như: Phí, lệ phí: Lệ phí sử dụng đất PNN: 475%; Thuế TNCN từ chuyển quyền: 147%; Lệ phí trước bạ nhà đất: 130%

Để có được kết quả trên là do được sự chỉ đạo kịp thời của Chi cục thuế cùng với sự sát sao của Thường vụ Đảng ủy, HĐND với các biện pháp cương quyết của UBND, Hội đồng tư vấn thuế thường xuyên bám nắm địa bàn, khai thác triệt để các nguồn thu hiện có, đảm bảo thu đúng, thu đủ không để thất thoát nguồn thu.

2/ Chi ngân sách:

Thực hiện chi thường xuyên 9 tháng năm 2022 là: 4.172.072.390đ / 5.510.000.000đ đạt 75% dự toán giao đầu năm và bổ sung trong năm Trong đó: Chi thường xuyên thực hiện 3.821.077.390đ/5.364.000.000 đạt 71% dự toán giao. Chi đầu tư PT: 350.995.000đ.

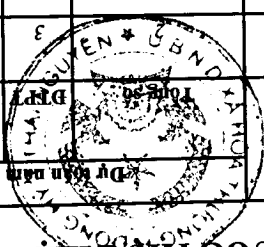
Trong 9 tháng năm 2022 UBND xã Hóa Thượng thực hiện các khoản chi ngân sách kịp thời, đảm bảo theo dự toán và các quy định trong quản lý tài chính.

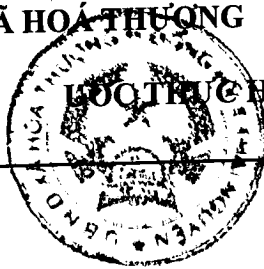
| | | | | | | | | | | |
|-------|------------------------------|-------------------|---|-------------------|-------------|--|-------------|-------|--|-------|
| 10.10 | Hội Người cao tuổi | 29.105.000 | | 29.105.000 | 105.000.000 | | 105.000.000 | 360,8 | | 360,8 |
| | Hội đặc thù (| | | | | | | | | |
| 10.11 | TNXP, Ng.mù, CĐ DC) | 54.276.000 | | 54.276.000 | 36.207.000 | | 36.207.000 | 66,7 | | 66,7 |
| 10.12 | Chi cho công tác xã hội | 38.000.000 | - | 38.000.000 | - | | | , | | , |
| | - Trợ cấp hàng tháng cho | | | | | | | | | |
| | cán bộ xã nghi việc theo chế | | | | | | | | | |
| | độ quy định và trợ cấp khác | | | | | | | | | |
| 10.13 | | 68.256.000 | | 68.256.000 | 51.192.000 | | 51.192.000 | 75, | | 75, |
| | - Trẻ mồ côi, người già | | | | | | | | | |
| 10.14 | không nơi nương tựa | | | - | - | | | | | |
| 10.15 | - Trợ cấp xã hội | | | - | - | | | | | |
| 10.16 | - Đặc thù (điện, VST) | 30.000.000 | | 30.000.000 | - | | | | | |
| 11 | Chi khác (khen thưởng) | 20.000.000 | | 20.000.000 | - | | | | | |
| III | Dự phòng | 77.000.000 | | 77.000.000 | - | | | , | | |

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | Nội dung | ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2022 | | | | | | SO SÁNH (%) | | |
|------|---|--------------------------------|----|---------------|---------------|-------------|---------------|-------------|-------|----|
| | | TỔNG XĐ | CB | TX | XDCB | TỔNG SỐ | TX | TỔNG XĐ | CB | TX |
| A | 1 | | | | | | | | | |
| | Tổng số chi | 5.510.000,000 | - | 5.510.000,000 | 4.172.072.390 | 350.995,000 | 3.821.077.390 | 75,7 | 69,3 | |
| | Tiết kiệm 10% chi thường xuyên | 69.000,000 | | 69.000,000 | - | - | - | | | |
| | Chi đầu tư | | | | 350.995,000 | 350.995,000 | | | | |
| III | Chi thường xuyên | 5.364.000,000 | | 5.364.000,000 | 3.821.077.390 | 350.995,000 | 3.821.077.390 | 71,2 | 71,2 | |
| I | Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội | 826.836,000 | - | 826.836,000 | 937.785.390 | - | 937.785.390 | 113,4 | 113,4 | |
| 1.1 | - Chi dân quân tự vệ | 470.452,000 | | 470.452,000 | 565.528.890 | | 565.528.890 | 120,2 | 120,2 | |
| 1.2 | - Chi trật tự an toàn xã hội | 356.384,000 | | 356.384,000 | 372.256.500 | | 372.256.500 | 104,5 | 104,5 | |
| 1.3 | Chi phòng chống ma túy | | | | | | | | | |
| 2 | Chi giáo dục | | | | | | | | | |
| 3 | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 4 | Chi y tế | 75.096,000 | | 75.096,000 | 56.322,000 | | 56.322,000 | 75,7 | 75,7 | |
| 5 | Chi văn hóa, thông tin | 35.000,000 | | 35.000,000 | 15.000,000 | | 15.000,000 | 42,9 | 42,9 | |
| 6 | Chi phát thanh, truyền thanh | | | | | | | | | |
| 7 | Chi thể dục TT | 25.000,000 | | 25.000,000 | 25.000,000 | | 25.000,000 | 100,0 | 100,0 | |
| 8 | Chi bảo vệ môi trường | | | | | | | | | |
| 9 | Chi các hoạt động kinh tế | 30.000,000 | - | 30.000,000 | 10.000,000 | | 10.000,000 | 33,3 | 33,3 | |
| | - Giao thông | | | | | | | | | |
| | Nông nghiệp và DV Nông nghiệp | 10.000,000 | | 10.000,000 | 10.000,000 | | 10.000,000 | 100,0 | 100,0 | |
| | Thủy lợi | 20.000,000 | | 20.000,000 | | 350.995,000 | | | | |
| | - Thương mại, du lịch | | | | | | | | | |
| | - Các hoạt động kinh tế khác | | | | | | | | | |
| 10 | Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 2.740.821,000 | - | 2.740.821,000 | 2.776.970,000 | | 2.776.970,000 | 101,3 | 101,3 | |
| | Trong đó: Quỹ lương | | | | | | | | | |
| 10.1 | Quản lý Nhà nước | 2.740.821,000 | | 2.740.821,000 | 1.687.291,500 | | 1.687.291,500 | 61,6 | 61,6 | |
| | * Hội đồng nhân dân | 387.981,000 | | 387.981,000 | 201.517,500 | | 201.517,500 | 51,9 | 51,9 | |
| | * Ủy ban nhân dân | 2.352.840,000 | | 2.352.840,000 | 1.485.774,000 | | 1.485.774,000 | 63,1 | 63,1 | |
| 10.2 | Đảng CS Việt Nam | 720.487,000 | | 720.487,000 | 380.086,500 | | 380.086,500 | 52,8 | 52,8 | |
| 10.3 | Mặt trận TQ Việt Nam | 236.363,000 | | 236.363,000 | 215.332,000 | | 215.332,000 | 91,1 | 91,1 | |
| 10.4 | Đoàn TN CS HCM | 108.436,000 | | 108.436,000 | 65.000,000 | | 65.000,000 | 59,9 | 59,9 | |
| 10.5 | Hội Liên hiệp Phụ nữ | 111.174,000 | | 111.174,000 | 77.000,000 | | 77.000,000 | 69,3 | 69,3 | |
| 10.6 | Hội Nông dân | 89.719,000 | | 89.719,000 | 65.000,000 | | 65.000,000 | 72,4 | 72,4 | |
| 10.7 | Hội Cựu chiến binh | 82.883,000 | | 82.883,000 | 67.000,000 | | 67.000,000 | 80,8 | 80,8 | |
| 10.8 | Hội Khuyến học | 18.092,000 | | 18.092,000 | 12.069,000 | | 12.069,000 | 66,7 | 66,7 | |
| 10.9 | Hội Chữ thập đỏ | 24.456,000 | | 24.456,000 | 15.792,000 | | 15.792,000 | 64,6 | 64,6 | |





ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM 2022 | | ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2022 | | SO SÁNH (%) | |
|-----|--|------------------|---------------|--------------------------------|---------------|-------------|---------|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | Tổng số thu | 4.960.000.000 | 5.510.000.000 | 5.978.395.000 | 4.213.592.400 | 121 | 76 |
| | Các khoản thu 100% | 230.000.000 | 230.000.000 | 210.019.000 | 210.019.000 | 91 | 91 |
| | - Phí, lệ phí | 210.000.000 | 210.000.000 | 200.000.000 | 200.000.000 | 95 | 95 |
| | * Phí chứng thư, chứng thực | 140.000.000 | 140.000.000 | 87.781.000 | 87.781.000 | 63 | 63 |
| | * Hộ tịch | 70.000.000 | 70.000.000 | 97.200.000 | 97.200.000 | | |
| | * Phí Môn bài | 20.000.000 | 20.000.000 | 15.019.000 | 15.019.000 | 75 | 75 |
| | - Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | | | | | |
| | - Đóng góp của nhân dân theo quy định | | | | | | |
| | - Thu khác | | | - | | | |
| | Thu tại xã | 20.000.000 | 20.000.000 | 10.019.000 | 10.019.000 | | |
| | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | 4.730.000.000 | 420.000.000 | 5.768.376.000 | 358.573.400 | 475 | 85 |
| | Các khoản thu phân chia | 1.620.000.000 | 420.000.000 | 1.685.876.000 | 358.573.400 | 475 | |
| | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 20.000.000 | 20.000.000 | 95.000.000 | 95.000.000 | 475 | |
| | Thuế GTGT | 800.000.000 | 240.000.000 | 190.000.000 | 55.000.000 | | |
| | - Lệ phí trước bạ nhà, đất | 800.000.000 | 160.000.000 | 1.400.876.000 | 208.573.400 | | |
| | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | 3.110.000.000 | - | 4.082.500.000 | | | |
| | Thuế TNCN từ SXKD | 400.000.000 | | 95.000.000 | | | |
| | Thuế TNCN từ chuyển quyền | 2.710.000.000 | | 3.987.500.000 | | | |
| | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | | | | |
| | Thu chuyển nguồn | | | | | | |
| | Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | | | |
| | Thu bổ sung từ NS cấp trên | - | 4.860.000.000 | | 3.645.000.000 | | |
| | - Bổ sung cân đối ngân sách | | 4.860.000.000 | | 3.645.000.000 | | |
| | - Bổ sung có mục tiêu | | | | | | |

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN NĂM | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM 2021) | SO SÁNH |
|-----------|--|---------------------|--|---------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| I | TỔNG SỐ THU | 5510 000 000 | 4362 011 700 | 79, 2 |
| 1 | Các khoản thu xã hưởng 100% | 250 000 000 | 200 025 000 | 80, 01 |
| 2 | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) | 400 000 000 | 516 986 700 | 129,25, |
| 3 | Thu bổ sung | 4860 000 000 | 3645 000 000 | 75, |
| | - Thu bổ sung cân đối | 4860 000 000 | 3645 000 000 | 75, |
| | - Thu bổ sung có mục tiêu | | | |
| 4 | Thu chuyển nguồn | | | |
| II | TỔNG SỐ CHI | 5510 000 000 | 3821 928 890 | 69, 36 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | | 350 995 000 | |
| 2 | Chi thường xuyên | 5364 000 000 | 3470 893 890 | |
| 3 | Tiết kiệm chi | 69 000 000 | | |
| 4 | Dự phòng | 77 000 000 | 40 000 | |

Số: 155 /QĐ-UBND

Hóa Thượng, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công khai thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÓA THƯỢNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật NSNN ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã về dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thực hiện dự toán Ngân sách 9 tháng năm 2022 của xã Hóa Thượng, nội dung cụ thể như sau:

(Theo các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

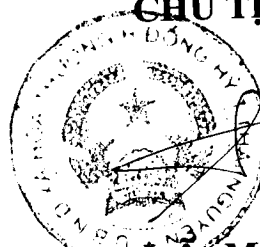
Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban Tài chính xã và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Thường trực Đảng ủy - HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Huy